

	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN	Mã số: TTVLN/TTCN/02 Trang: 1/15 Ngày ban hành: 01/07/2018 Lần ban hành: 02 Ngày soát xét: 01/7/2026
---	---	--



1. Mục đích

Quy định cụ thể các bước thực hiện quá trình chứng nhận.

2. Phạm vi

Áp dụng đối với chứng nhận tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp.

3. Tài liệu liên quan

- Thông tư: 14/2026/TT-BKHCN.
- ISO/IEC 17065: 2012: Mục 7.
- APC.01: Thủ tục công nhận tổ chức chứng nhận của Văn phòng Công nhận Chất lượng, ban hành ngày 10/3/2026.

4. Định nghĩa, khái niệm

- **Chứng nhận phương thức 5:** Là quá trình chứng nhận bao gồm việc lấy mẫu thử nghiệm, đánh giá quá trình sản xuất. Chứng chỉ chứng nhận có hiệu lực 05 năm, trong chu kỳ chứng nhận, có đánh giá giám sát tối thiểu 02 lần thông qua việc lấy mẫu thử nghiệm và đánh giá quá trình sản xuất.
- **Chứng nhận phương thức 7:** Là quá trình đánh giá và chứng nhận lô sản phẩm, không tiến hành đánh giá giám sát.
- **Khuyến nghị (Điểm nhận xét):** Là những phát hiện của chuyên gia trong quá trình đánh giá, không đủ cơ sở để kết luận là điểm không phù hợp, nhưng được nêu ra như là cơ hội, nhằm mục đích để cải tiến. Đối với các khuyến nghị thì tổ chức được đánh giá không có nghĩa vụ phải thực hiện hành động khắc phục; Tuy nhiên, chuyên gia đánh giá có thể sẽ xem xét các kiến nghị cải tiến này trong lần đánh giá tiếp theo gần nhất (nếu sự lặp lại trở thành điểm không phù hợp).
- **Điểm không phù hợp loại nhẹ:** Là những điểm không phù hợp đơn lẻ, không phù hợp với chuẩn mực công nhận hay quy định liên quan đến sản phẩm chứng nhận do tổ chức được đánh giá đã thiết lập và không tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, không tạo thành sai lỗi hệ thống. Với điểm không phù hợp loại nhẹ thì tổ chức được đánh giá phải thực hiện hành động khắc phục và chỉ được cấp chứng nhận sau khi hành động khắc phục được chấp nhận. Hành động khắc phục sẽ được thẩm tra tại lần đánh giá giám sát gần nhất. Nếu hành động khắc phục không hiệu quả hoặc điểm không phù hợp loại nhẹ này vẫn tái diễn, thì tại lần đánh giá tiếp theo, điểm không phù hợp loại nhẹ này được quy là điểm không phù hợp loại nặng.
- **Điểm không phù hợp loại nặng:** Là sự không đáp ứng một yêu cầu cụ thể theo chuẩn mực công nhận, mang tính hệ thống và tác động trực tiếp đến chất lượng sản phẩm. Các điểm không phù hợp loại nhẹ nếu có liên quan với nhau và mang tính chất hệ thống có thể quy là một điểm không phù hợp loại nặng. Tính hệ thống là: có hơn 3 điểm không phù hợp loại nhẹ tại một bộ phận hoặc có cùng 1 điểm không phù hợp loại nhẹ trên 3 bộ

	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO	Mã số: TTVLN/TTCN/02 Trang: 2/15 Ngày ban hành: 01/07/2018 Lần ban hành: 02 Ngày soát xét: 01/7/2026
	THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN	

phận. Với điểm không phù hợp loại nặng thì Bên được đánh giá phải thực hiện hành động khắc phục. Có thể phải đánh giá bổ sung để thẩm tra hành động khắc phục (nếu cần thiết). Chỉ cấp chứng nhận hoặc thông báo duy trì hiệu lực chứng nhận sau khi hành động khắc phục được chấp nhận.

- **Điểm nghiêm trọng:** Là sự không tuân thủ các quy định của pháp luật. Khi đó sẽ dừng cuộc đánh giá và chuyển sang thời điểm thích hợp khác. Đối với đánh giá giám sát, thì đình chỉ hiệu lực chứng nhận cho đến khi có đủ bằng chứng đã tuân thủ.

5. Nội dung

5.1. Đánh giá chứng nhận lần đầu Phương thức 5, chứng nhận theo lô Phương thức 7

Bước công việc		Trách nhiệm	Biểu mẫu liên quan
5.1.1	Cung cấp thông tin: Thông tin liên quan đến hoạt động chứng nhận của Trung tâm được cán bộ điều phối công bố và cập nhật định kỳ trên Website: http://micco.com.vn	Điều phối viên	Các thông tin cần cung cấp quy định tại Mục 4.6 – TTVLN/STCL
5.1.2	Tiếp nhận đơn đăng ký chứng nhận của khách hàng	Bộ phận điều phối	TTVLN/BM/TTCN02.01 - Đơn đăng ký chứng nhận
5.1.3	Xem xét đăng ký chứng nhận: Căn cứ thông tin khách hàng cung cấp, tiến hành xem xét sản phẩm/lô sản phẩm khách hàng đề nghị chứng nhận có đủ điều kiện để chứng nhận hay không.	Điều phối viên chính	TTVLN/BM/TTCN02.02 – Xem xét đăng ký chứng nhận
5.1.4	Hợp đồng chứng nhận/Thỏa thuận chứng nhận: Nếu đủ điều kiện, thì thống nhất, thỏa thuận với khách hàng để ký kết hợp đồng chứng nhận/ thỏa thuận chứng nhận.	Điều phối viên chính P. Kế toán Giám đốc Trung tâm	Hợp đồng chứng nhận TTVLN/BM/TTCN02.03 Thỏa thuận chứng nhận TTVLN/BM/TTCN02.03a
5.1.5	Lập kế hoạch đánh giá chứng nhận: Trưởng đoàn đánh giá hoặc Điều phối viên chính, lập kế hoạch đánh giá chứng nhận chi tiết về thời gian đánh giá, nội dung đánh giá gửi khách hàng	Trưởng đoàn đánh giá; Điều phối viên chính	TTVLN/BM/TTCN02.04 – Kế hoạch đánh giá
5.1.6	Phản hồi từ phía khách hàng: Khách hàng xác nhận kế hoạch đánh giá với	Bộ phận điều phối	TTVLN/BM/TTCN02.05 – Xác nhận kế hoạch đánh giá



TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**
Trang: **3/15**
Ngày ban hành: **01/07/2018**
Lần ban hành: **02**
Ngày soát xét: **01/7/2026**

	Trung tâm và thông tin lại cho Trung tâm. Có thể xác nhận bằng văn bản hoặc điện thoại, email.		giá
5.1.7	- Chuẩn bị: Các biểu mẫu đánh giá; Các quy trình, tiêu chuẩn liên quan; Phương tiện lấy mẫu. - Lập kế hoạch lấy mẫu	CGĐG; Người lấy mẫu	Kế hoạch lấy mẫu – TTVLN/BM/08
5.1.8	Đánh giá		
5.1.8.1	<u>Phương thức 5:</u> Hợp khai mạc: Trưởng đoàn đánh giá chủ trì, có sự tham gia của các thành viên trong đoàn, đại diện lãnh đạo, các cá nhân liên quan của đơn vị được đánh giá để thống nhất về chương trình và cách thức đánh giá.	Trưởng đoàn	TTVLN/BM/TTCN02.06 – Danh sách tham dự họp
	<i>Đánh giá quá trình sản xuất</i>		
	Đánh giá quá trình sản xuất tập trung vào các yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm theo quy định tại Thông tư 14/2026/TT-BKHCN, bao gồm: - Kiểm soát hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm); - Kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành sản phẩm bao gồm cả quá trình bao gói, ghi nhãn, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển sản phẩm, cụ thể: + Kiểm soát các thông số công nghệ của quá trình sản xuất; + Kiểm soát quá trình bao gói, ghi nhãn, xếp dỡ, lưu kho (bảo quản) và vận chuyển sản phẩm; - Kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm; - Kiểm soát trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử	CGĐG	TTVLN/BM/TTCN02.07a – Ghi chép đánh giá



**TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO**

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**

Trang: **4/15**

Ngày ban hành: **01/07/2018**

Lần ban hành: **02**

Ngày soát xét: **01/7/2026**

	nghiệm; - Trình độ, năng lực công nhân và cán bộ kỹ thuật; - Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác: Kiểm soát môi trường làm việc, các chứng chỉ ISO đơn vị áp dụng... Các nội dung đánh giá chi tiết được quy định tại 16 quy trình đánh giá chứng nhận sản phẩm (TTVLN/QTCN/01÷15)		
	Thử nghiệm tại hiện trường (đối với các chỉ tiêu có thể thử tại hiện trường theo quy định, nếu cần thiết)	Chuyên gia đánh giá (phải là thử nghiệm viên)	TTVLN/BM/TTCN02.14 – Biên bản thử nghiệm hiện trường
	Lấy mẫu: Lấy mẫu ngẫu nhiên tại các vị trí khác nhau, đại diện cho một kiểu loại cụ thể để kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm theo quy định. Lượng mẫu lấy đủ để thử nghiệm và lưu mẫu. Lưu ý: Chỉ cho phép lấy mẫu đại diện theo loại sản phẩm, hàng hoá thay cho lấy mẫu theo từng kiểu sản phẩm, hàng hoá hoặc lấy mẫu đại diện theo nhóm sản phẩm, hàng hoá thay cho lấy mẫu theo từng kiểu, loại sản phẩm, hàng hoá với điều kiện: Tổ chức, doanh nghiệp đã được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn tương ứng (ISO 9001, HACCP, GMP, các tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng khác) cho phạm vi chứng nhận liên quan đến đối tượng sản phẩm, hàng hóa. Tổ chức chứng nhận phải được công nhận bởi tổ chức công nhận là thành viên ký thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức hợp tác công nhận quốc tế hoặc khu vực (Tổ chức công nhận toàn cầu - Global Accreditation Cooperation Incorporated, là Tổ chức được hợp nhất của Tổ chức	CGĐG hoặc Nhân viên lấy mẫu	TTVLN/BM/48b – Biên bản lấy mẫu chứng nhận



TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**
Trang: **5/15**
Ngày ban hành: **01/07/2018**
Lần ban hành: **02**
Ngày soát xét: **01/7/2026**

	công nhận phòng thử nghiệm quốc tế - ILAC và Diễn đàn công nhận quốc tế - IAF; Tổ chức hợp tác công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương - APAC) hoặc tổ chức công nhận được thừa nhận theo các Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) mà Việt Nam tham gia.		
5.1.8.2	<u>Phương thức 7:</u> Hợp khai mạc: Trưởng đoàn đánh giá chủ trì, có sự tham gia của các thành viên trong đoàn, đại diện đơn vị được đánh giá để thống nhất về chương trình và cách thức đánh giá. Đối với khách hàng thường xuyên, hợp khai mạc có thể được tiến hành đơn giản, chủ yếu thông qua kế hoạch đánh giá.	Trưởng đoàn	TTVLN/BM/TTCN02.06 – Danh sách tham dự hợp
	<u>Đối với lô hàng nhập khẩu:</u> - Kiểm tra hồ sơ lô hàng, gồm: Giấy phép nhập khẩu; Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa, danh mục hàng hóa kèm theo; Chứng chỉ chất lượng hàng hóa (nếu có); Các tài liệu kỹ thuật khác: Tờ khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn, hóa đơn, giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có) C/O, bản mô tả hàng hóa... - Kiểm tra tình trạng lô hàng: + Kiểm tra tình trạng ngoại quan lô hàng: Bao bì, nhãn mác, tình trạng bảo quản, quy cách bao gói... + Khối lượng, số lượng hàng hóa thực tế; ngày sản xuất. - Lấy mẫu: Lấy mẫu thử nghiệm (lấy ngẫu nhiên tại các vị trí khác nhau của lô hàng) phải đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng, để kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm theo quy định. Lượng mẫu lấy đủ để thử nghiệm và lưu mẫu (trừ khi có thỏa thuận khác). - Kiểm tra tình trạng ngoại quan của	CGĐG	TTVLN/BM/TTCN02.07 - Ghi chép đánh giá TTVLN/BM/48b – Biên bản lấy mẫu chứng nhận TTVLN/BM/TTCN02.14 – Biên bản thử nghiệm hiện trường



TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**

Trang: **6/15**

Ngày ban hành: **01/07/2018**

Lần ban hành: **02**

Ngày soát xét: **01/7/2026**

	mẫu. - Thử nghiệm tại hiện trường (nếu có).		
	Đối với lô hàng sản xuất trong nước: - Kiểm tra hồ sơ lô hàng: Phiếu nhập kho (hoặc giấy tờ tương đương) có thông tin về khối lượng lô hàng, ngày sản xuất. - Kiểm tra tình trạng lô hàng: + Kiểm tra tình trạng ngoại quan lô hàng: Bao bì, nhãn mác, tình trạng bảo quản, quy cách bao gói... + Khối lượng, số lượng hàng hóa thực tế; Ngày sản xuất thực tế - Lấy mẫu: Lấy mẫu thử nghiệm (lấy ngẫu nhiên, tại các vị trí khác nhau của lô hàng) phải đảm bảo tính đại diện cho toàn bộ lô hàng, để kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm theo quy định. Lượng mẫu lấy đủ để thử nghiệm và lưu mẫu (trừ khi có thỏa thuận khác). - Kiểm tra tình trạng ngoại quan của mẫu. - Thử nghiệm tại hiện trường (nếu có).	CGĐG	TTVLN/BM/TTCN02.07 - Ghi chép đánh giá TTVLN/BM/48b–Biên bản lấy mẫu chứng nhận TTVLN/BM/TTCN02.14 – Biên bản thử nghiệm hiện trường
5.1.9	Hợp nội bộ, chuẩn bị báo cáo: Sau khi đánh giá tại cơ sở, đoàn đánh giá hợp nội bộ đề thảo luận về các phát hiện đánh giá, thống nhất về kết luận đánh giá, chuẩn bị báo cáo đánh giá. Với Báo cáo đánh giá theo PT 5: Căn cứ vào kết quả đánh giá quá trình sản xuất tại cơ sở, Trưởng đoàn đánh giá xem xét sự phù hợp của quá trình sản xuất từ những nội dung CGĐG đã phát hiện so với yêu cầu quy định tại mục Đánh giá quá trình sản xuất 5.1.8.1 của thủ tục này (Tương ứng mục Đánh giá sự phù hợp của quá trình sản xuất quy định tại Phương thức 5 - Thông tư 14/2026/TT-BKHCN) để kết luận kết quả đánh giá quá trình sản xuất phù hợp với yêu cầu.	Đoàn CGĐG	TTVLN/BM/TTCN02.09 – Báo cáo đánh giá (với PT 7) TTVLN/BM/TTCN02.09a – Báo cáo đánh giá (với PT 5)



**TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO**

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**
Trang: **7/15**
Ngày ban hành: **01/07/2018**
Lần ban hành: **02**
Ngày soát xét: **01/7/2026**

5.1.10	Hợp kết thúc: Trưởng đoàn đánh giá chủ trì, có sự tham gia của các thành viên trong đoàn, đại diện lãnh đạo, các cá nhân liên quan của đơn vị được đánh giá. Đoàn đánh giá thông báo, thảo luận và thống nhất với cơ sở về kết luận đánh giá. Sau đó hai bên ký xác nhận vào Báo cáo đánh giá.	Đoàn CGĐG Đại diện cơ sở	TTVLN/BM/TTCN02.06 – Danh sách tham dự TTVLN/BM/TTCN02.09 – Báo cáo đánh giá (với PT 7) TTVLN/BM/TTCN02.09a – Báo cáo đánh giá (với PT 5)
5.1.11	Thử nghiệm: - Mẫu mang về Trung tâm được mã hóa mẫu và nhập kho; Thông tin về mẫu được cập nhật vào Sổ theo dõi mẫu chứng nhận. Khi thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm, Bộ phận thử nghiệm đề nghị xuất kho phục vụ thử nghiệm. - Căn cứ vào Phiếu yêu cầu thử nghiệm do Chuyên gia đánh giá đề nghị, Bộ phận thử nghiệm sẽ tiến hành thử các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm. - Các mẫu chưa thử nghiệm ngay, được bảo quản trong kho, khi Bộ phận thử nghiệm tiến hành thử sẽ đề nghị thủ kho cung cấp mẫu thử nghiệm, lượng mẫu còn lại được bảo quản trong kho. - Thử nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm theo yêu cầu của tiêu chuẩn chứng nhận. - Bộ phận thử nghiệm lập Phiếu kết quả thử nghiệm gửi Trưởng đoàn đánh giá	Đoàn đánh giá Thủ kho Bộ phận thử nghiệm	Giấy đề nghị nhập kho; Sổ theo dõi mẫu chứng nhận; TTVLN/BM/TTCN02.16 - Phiếu yêu cầu thử nghiệm; Phiếu lệnh nổ mìn kiêm Phiếu lĩnh VLNCN; Giấy đề nghị cấp mẫu tiền chất thuốc nổ; TTVLN/BM/ 59b – Phiếu Kết quả thử nghiệm
5.1.12	Đánh giá kết quả thử nghiệm: Sau khi có kết quả thử nghiệm, Chuyên gia đánh giá kiểm tra, so sánh kết quả thử nghiệm với yêu cầu kỹ thuật quy định tại tiêu chuẩn chứng nhận, tài liệu chứng nhận để xác nhận sự phù hợp của sản phẩm.	CGĐG hoặc Trưởng đoàn ĐG	TTVLN/BM/TTCN02.10 – Đánh giá kết quả thử nghiệm
5.1.13	Khắc phục sự không phù hợp:	Cơ sở được đánh giá	TTVLN/BM/TTCN02.11 – Phiếu HĐKP



TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**
 Trang: **8/15**
 Ngày ban hành: **01/07/2018**
 Lần ban hành: **02**
 Ngày soát xét: **01/7/2026**

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

[illegible]



**TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO**

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**
Trang: **9/15**
Ngày ban hành: **01/07/2018**
Lần ban hành: **02**
Ngày soát xét: **01/7/2026**

	Bộ phận điều phối có trách nhiệm thông báo cho khách hàng về quyết định không cấp chứng nhận và phải nêu rõ các lý do của quyết định này.		
5.1.15	Thẩm xét hồ sơ chứng nhận - Trưởng đoàn đánh giá tập hợp chuyên toàn bộ hồ sơ đánh giá cho Bộ phận điều phối, hồ sơ gồm: <i>Kế hoạch đánh giá chứng nhận, Kế hoạch lấy mẫu, Biên bản lấy mẫu chứng nhận, Danh sách tham dự, Ghi chép đánh giá, Báo cáo đánh giá, Biên bản thử nghiệm hiện trường (nếu có), Phiếu yêu cầu thử nghiệm, Phiếu kết quả thử nghiệm, Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm, Báo cáo Hành động khắc phục (nếu có).</i> - Điều phối viên tập hợp toàn bộ hồ sơ gồm hồ sơ của Trưởng đoàn đánh giá và các hồ sơ khác như: <i>Đơn đăng ký chứng nhận, Xem xét đăng ký chứng nhận...</i> chuyển cho chuyên gia thẩm xét. - Chuyên gia thẩm xét phải đảm bảo là người có năng lực phù hợp và không tham gia vào quá trình đánh giá chứng nhận.	Chuyên gia thẩm xét hồ sơ Điều phối viên	TTVLN/BM/TTCN02.12 – Báo cáo thẩm xét
5.1.16	Quyết định chứng nhận: Dựa trên ý kiến của chuyên gia thẩm xét, Giám đốc Trung tâm hoặc Phó Giám đốc ký chứng chỉ chứng nhận hoặc từ chối chứng nhận. Đối với chứng nhận PT 5: Trước khi cấp Chứng chỉ chứng nhận, Giám đốc/Phó giám đốc Trung tâm ký Quyết định cấp chứng chỉ.	Giám đốc Trung tâm PGĐ Trung tâm	Chứng chỉ chứng nhận TTVLN/BM/TTCN 02.13 – Quyết định cấp chứng chỉ chứng nhận (đối với PT5)
5.1.17	Gửi tài liệu chứng nhận cho cơ sở: Chứng chỉ chứng nhận, Kết quả thử nghiệm (nếu cần), hướng dẫn sử dụng đầu hợp chuẩn, hợp quy (nếu khách hàng có nhu cầu sử dụng) được gửi cho cơ sở	Điều phối viên	

172
NHÀ
CÔNG
PHO
I, TR
IỀU
NGHI
QU

	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO	Mã số: TTVLN/TTCN/02 Trang: 10/15 Ngày ban hành: 01/07/2018 Lần ban hành: 02 Ngày soát xét: 01/7/2026
	THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN	

	được chứng nhận, đồng thời được lưu 1 bản tại Trung tâm.		
5.1.18	Cập nhật danh mục, công bố thông tin: Thông tin về cơ sở được chứng nhận được cập nhật trong danh mục tổ chức chứng nhận, đồng thời được công bố trên Website của Trung tâm.	Điều phối viên	

5.2. Đánh giá giám sát (chỉ thực hiện với phương thức 5)

Đánh giá giám sát được thực hiện định kỳ theo quy định; thời điểm đánh giá giám sát lần đầu, không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 24 tháng/1 lần tính từ thời điểm kết thúc lần đánh giá giám sát trước đó. Trước thời hạn giám sát theo quy định, Trung tâm Vật liệu nổ công nghiệp - MICCO thông báo với cơ sở về việc đánh giá giám sát. Ngoài ra trong chu kỳ chứng nhận, đối với các sản phẩm Trung tâm có tham gia sản xuất, Trung tâm có thể tiến hành đánh giá đột xuất hoặc tăng tần suất đánh giá giám sát.

Quá trình đánh giá giám sát: Thực hiện các bước từ 5.1.4 đến 5.1.15.

Kết quả đánh giá giám sát sẽ được sử dụng làm căn cứ để quyết định việc duy trì, đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận. Nếu tổ chức được chứng nhận không đáp ứng yêu cầu (ví dụ không khắc phục các điểm không phù hợp hoặc kết quả thử nghiệm lần 2 không đạt yêu cầu), Trung tâm tiến hành thủ tục đình chỉ chứng nhận.

5.3. Đánh giá chứng nhận lại (chỉ thực hiện với phương thức 5)

Chứng chỉ chứng nhận sản phẩm (phương thức 5) có hiệu lực 5 năm. Trước thời hạn này 3 tháng, Trung tâm thông báo với cơ sở về việc đánh giá lại.

Việc đánh giá, chứng nhận lại thực hiện theo các bước từ 5.1.2 đến 5.1.18.

5.4. Những thay đổi ảnh hưởng đến chứng nhận

Trong chu kỳ chứng nhận, nếu có sự thay đổi về tiêu chuẩn chứng nhận, Trung tâm thông báo những thay đổi này tới khách hàng bằng văn bản, đồng thời cập nhật thông tin lên website.

Nếu có sự thay đổi từ phía khách hàng ảnh hưởng đến phạm vi chứng nhận, Trung tâm tiến hành xem xét và quyết định thực hiện những giải pháp sau:

- Tiếp tục duy trì chứng nhận.
- Đánh giá tại cơ sở.
- Xem xét hồ sơ do cơ sở gửi.
- Ban hành lại chứng nhận.

5.5. Thay đổi phạm vi, đình chỉ, chấm dứt hoặc thu hồi chứng nhận



TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**
Trang: **11/15**
Ngày ban hành: **01/07/2018**
Lần ban hành: **02**
Ngày soát xét: **01/7/2026**

Thu hẹp phạm vi chứng nhận: Nếu trong quá trình giám sát phát hiện cơ sở không đáp ứng yêu cầu chứng nhận cho 1 phạm vi cụ thể, Trung tâm ban hành lại chứng chỉ chứng nhận loại bỏ phạm vi chứng nhận đó.

Mở rộng phạm vi chứng nhận: Cơ sở được chứng nhận có thể đăng ký mở rộng phạm vi chứng nhận. Việc đánh giá mở rộng phạm vi chứng nhận thường được kết hợp với đánh giá giám sát, đánh giá lại. Nếu không thể kết hợp, việc đánh giá chứng nhận được thực hiện như đánh giá chứng nhận lần đầu.

Đình chỉ chứng nhận: Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Trung tâm có thể quyết định đình chỉ chứng nhận nếu cơ sở không đáp ứng một trong các yêu cầu chứng nhận, ví dụ:

- Sử dụng chứng chỉ, dấu chứng nhận trái quy định;
- Không bố trí giám sát định kỳ;
- Không thực hiện có hiệu quả hành động khắc phục trong thời hạn quy định;
- Không trả đầy đủ phí chứng nhận;
- Có khiếu nại nghiêm trọng từ các bên liên quan.

Quyết định đình chỉ có thời hạn tối đa 6 tháng. Thông tin về việc đình chỉ chứng nhận được công bố trên Website. Trong thời hạn đình chỉ cơ sở có thể tiến hành các biện pháp khắc phục. Nếu việc khắc phục có hiệu quả, việc chứng nhận được duy trì.

Chấm dứt, hủy bỏ chứng nhận: Trung tâm xem xét việc hủy bỏ chứng nhận trong các trường hợp sau:

- Tổ chức được chứng nhận không thực hiện đầy đủ các biện pháp khắc phục trong các trường hợp đình chỉ chứng nhận;
- Trong quá trình đánh giá giám sát, phát hiện có sự không phù hợp mang tính chất nghiêm trọng với chuẩn mực và các qui trình chứng nhận;
- Tổ chức được chứng nhận không muốn được tiếp tục duy trì việc chứng nhận;
- Tổ chức được chứng nhận không thể đáp ứng các qui trình của hệ thống chứng nhận này, hoặc theo sự thỏa thuận giữa Trung tâm với tổ chức được chứng nhận;
- Tổ chức được chứng nhận không thực hiện các cam kết về tài chính với Trung tâm.

Với tổ chức bị hủy bỏ chứng nhận Trung tâm sẽ ban hành quyết định hủy bỏ chứng nhận, đồng thời công bố trên Website.

6. Hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Mã hiệu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1.	Đơn đăng ký chứng nhận	TTVLN/BM/TTCN02.01	TTVLN/HTCN/HS/04	6 năm
2.	Xem xét đơn đăng ký	TTVLN/BM/TTCN02.02	-	-



**TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO**

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: **TTVLN/TTCN/02**
Trang: **12/15**
Ngày ban hành: **01/07/2018**
Lần ban hành: **02**
Ngày soát xét: **01/7/2026**

3.	Hợp đồng chứng nhận	TTVLN/BM/TTCN02.03	TTVLN/HTCN/HS/01	-
4.	Thỏa thuận chứng nhận	TTVLN/BM/TTCN02.03a	TTVLN/HTCN/HS/01	
5.	Kế hoạch đánh giá chứng	TTVLN/BM/TTCN02.04	TTVLN/HTCN/HS/04	-
6.	Phiếu xác nhận kế hoạch	TTVLN/BM/TTCN02.05	-	-
7.	Danh sách tham dự	TTVLN/BM/TTCN02.06	-	-
8.	Ghi chép đánh giá	TTVLN/BM/TTCN02.07 TTVLN/BM/TTCN02.07a	-	-
9.	Biên bản xem xét, đánh giá tình trạng thực tế	TTVLN/BM/TTCN02.08	-	-
10.	Kế hoạch lấy mẫu	TTVLN/BM/08	-	-
11.	Biên bản lấy mẫu chứng nhận	TTVLN/BM/48b	-	-
12.	Báo cáo đánh giá	TTVLN/BM/TTCN02.09 TTVLN/BM/TTCN02.09a	-	-
13.	Phiếu kết quả thử nghiệm	TTVLN/BM/59b	-	-
14.	Đánh giá kết quả thử nghiệm	TTVLN/BM/TTCN02.10	-	-
15.	Phiếu Hành động khắc phục	TTVLN/BM/TTCN02.11	-	-
16.	Báo cáo Thẩm xét hồ sơ chứng nhận	TTVLN/BM/TTCN02.12	-	-
17.	Biên bản thử nghiệm hiện trường	TTVLN/BM/TTCN02.14	-	-
18.	Thông báo về việc không cấp chứng nhận	TTVLN/BM/TTCN02.15	-	-
19.	Phiếu yêu cầu thử nghiệm	TTVLN/BM/TTCN02.16	-	-
20.	Quyết định cấp chứng chỉ chứng nhận (đối với PT 5)	TTVLN/BM/TTCN02.13	-	-
21.	Chứng chỉ chứng nhận (đối với lô sản phẩm sản xuất trong nước)		-	-
22.	Chứng chỉ chứng nhận (đối với lô sản phẩm nhập khẩu)		-	-
23.	Chứng chỉ chứng nhận đối		-	-



TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Mã số: TTVLN/TTCN/02
Trang: 13/15
Ngày ban hành: 01/07/2018
Lần ban hành: 02
Ngày soát xét: 01/7/2026

với PT 5

7. Phụ lục

Phụ lục 1: Xác định địa điểm đánh giá

Phụ lục 2: Xác định thời lượng đánh giá

Phụ lục 3: Cơ cấu tính phí chứng nhận

1-C
MIC
AM
VINACOMIN

	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO	Mã số: TTVLN/TTCN/02 Trang: 14/15 Ngày ban hành: 01/07/2018 Lần ban hành: 02 Ngày soát xét: 01/7/2026
	THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN	

Phụ lục I. XÁC ĐỊNH ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

Chứng nhận lô: Đánh giá từng lô hàng, tại nơi bảo quản hàng hóa.

Chứng nhận tại nhà máy:

Nếu cơ sở có nhiều địa điểm (n địa điểm) sản xuất cùng chủng loại sản phẩm.

Trong đánh giá chứng nhận lần đầu: Đánh giá tại tất cả các địa điểm.

Trong đánh giá giám sát, đánh giá lại: Chọn $\sqrt{n}$ địa điểm để đánh giá.

Phụ lục II. XÁC ĐỊNH THỜI LƯỢNG ĐÁNH GIÁ

Thời lượng đánh giá: Được xác định bằng ngày công (manday). 1 manday tương ứng với 1 nhân công làm việc trong 1 ngày (8 giờ).

Chứng nhận lô (Phương thức 7): Theo quy mô từng lô. Tối thiểu 01 ngày công đánh giá, tối đa 03 ngày công đánh giá.

Chứng nhận tại nhà máy (Phương thức 5):

Thời lượng đánh giá được xác định dựa trên số lượng nhân công hiệu dụng.

Số lượng nhân công hiệu dụng là số lượng nhân công (kể cả bán thời gian, thời vụ) làm việc được quy về số lượng nhân công tiêu chuẩn (làm việc full time: 08 giờ/ngày).

Có thể tham khảo thời gian đánh giá theo hướng dẫn tính toán thời lượng đánh giá hệ thống quản lý chất lượng (QMS) tại mỗi địa điểm (T_{QMS}) được xác định dựa trên số lượng nhân công hiệu dụng như sau (tham khảo IAF MD5: 2015):

Thời lượng đánh giá quá trình sản xuất tại mỗi địa điểm: $T_{SX} = 50\% T_{QMS}$

Thời lượng lấy mẫu, đánh giá tại hiện trường: $T_{LM} = 0,5 \div 1$ ngày công

Thời lượng đánh giá tại mỗi địa điểm: $T = T_{SX} + T_{LM}$

Effective Number of Personnel (Số lượng nhân công hiệu dụng)	Audit Time Stage 1 + Stage 2 (T_{QMS} , days)	Effective Number of Personnel (Số lượng nhân công hiệu dụng)	Audit Time Stage 1 + Stage 2 (T_{QMS} , days)
1-5	1.5	626-875	12
6-10	2	876-1175	13
11-15	2.5	1176-1550	14
16-25	3	1551-2025	15
26-45	4	2026-2675	16
46-65	5	2676-3450	17
66-85	6	3451-4350	18
86-125	7	4351-5450	19
126-175	8	5451-6800	20
176-275	9	6801-8500	21
276-425	10	8501-10700	22
426-625	11	>10700	Follow progression above

	TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN TRUNG TÂM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP - MICCO	Mã số: TTVLN/TTCN/02 Trang: 15/15 Ngày ban hành: 01/07/2018 Lần ban hành: 02 Ngày soát xét: 01/7/2026
	THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN	

Phụ lục III. CƠ CẤU TÍNH PHÍ CHỨNG NHẬN

Chi phí chứng nhận bao gồm các hạng mục sau:

STT	Cơ cấu tính phí chứng nhận	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi phí đánh giá			
1	Phí tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký			Không áp dụng với đánh giá giám sát PT5
2	Phí quản lý 1 chu kỳ chứng nhận			Chỉ áp dụng đối với chứng nhận PT5
3	Phí đánh giá tại cơ sở			
4	Phí thẩm xét hồ sơ tại Trung tâm			
II	Phí cấp chứng chỉ chứng nhận	đồng/giấy chứng nhận	150.000	
III	Phí thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm		Theo đơn giá chỉ tiêu thử nghiệm thực tế	Đơn giá theo Quyết định của Tổng công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - VINACOMIN
IV	Chi phí cho việc đi lại, lưu trú		Tùy địa điểm đánh giá thực tế	

* Ghi chú: Đơn giá cụ thể tùy thuộc sản phẩm, địa điểm chứng nhận, khi đó Trung tâm sẽ thỏa thuận với khách hàng.

* Đơn giá chứng nhận trong nội bộ Tổng công ty thực hiện theo Quyết định số 1992/QĐ-MICCO ngày 03/6/2024 và Quyết định số 2558/QĐ-MICCO ngày 12/7/2024 của Tổng công ty CN Hóa chất mỏ - VINACOMIN.